

Chương Trình Việt Ngữ 2006-2007

Giáo Án Cấp 1B

(Level 1B Syllabus)

Giáo Viên: Cô Trần Giao <mailto:GiaoTran@vscso.org>
Thầy Nguyễn Danh

Sách: Giáo Khoa Việt Ngữ - Mẫu Giáo

Dụng Cụ Học:

- 3-ring binder
- 3 dividers
- Giấy trắng
- Viết chì

School Supplies:

- 3-ring binder (for organizing your lessons and homework handouts)
- 3 dividers
- Notebook paper
- Pencil

Cách Phân Hạng:

- Bài Làm Ở Nhà: 20%
- Bài Kiểm - Thi Viết: 20%
- Bài Kiểm - Thi Đọc: 20%
- Bài Thi Cuối Học Kỳ: 30%
- Chuyên Cần: 10%

Grading Method:

- Homework: 20%
- Quizzes - Written¹: 20%
- Quizzes - Oral²: 20%
- Final Exam: 30%
- Attendance: 10%

Chính Sách Chuyên Cần:

- 2 điểm mỗi buổi học
- 1 điểm nếu nghỉ, có giấy phép phụ huynh
- 0 điểm nếu nghỉ, không có giấy phép phụ huynh

Attendance Policy:

- 2 points each period
- 1 point for excused absence (Parent's note required)
- 0 point for unexcused absence

Môn Học:

- Ráp Văn
- Chính Tả
- Tập Đọc
- Đặt Câu
- Từ Vựng
- Đàm Thoại

Subjects Covered:

- Word construction
- Spelling
- Reading
- Writing Sentences
- Vocabulary
- Conversation

(1) *Written quizzes will consist of Spelling, Vocabulary, and Sentences* (Chính Tả, Từ Vựng, và Đặt Câu).

(2) *Oral quizzes will consist of Reading and Conversation* (Đọc và Đàm Thoại).

Bài Học

Bài 1:

- Bảng chữ cái Việt Nam
- Dấu lập chữ; dấu thanh

Bài 2: A, B, C

Bài 3: D, Đ, E, Ê

Bài 4: G, H, I

Bài 5: K, L, M, N

Bài 6: O, Ô, Ơ

Bài 7: P, PH, Q, QU

Bài 8: R, S, T

Bài 9: U, Ư

Bài 10: V, X, Y

Lessons

Lesson 1:

- *Vietnamese Alphabet*
- *Tone marks*

Lesson 2: A, B, C

Lesson 3: D, Đ, E, Ê

Lesson 4: G, H, I

Lesson 5: K, L, M, N

Lesson 6: O, Ô, Ơ

Lesson 7: P, PH, Q, QU

Lesson 8: R, S, T

Lesson 9: U, Ư

Lesson 10: V, X, Y

Đề Tài Đặc Biệt

- Đàm thoại hàng ngày
- Đếm số
- Sơ đồ gia đình
- Cơ thể
- Động tác trong lớp
- Màu sắc và hình dáng
- Giới tự
- Thì giờ (đồng hồ)
- Lịch; Ngày tháng
- Thời tiết & Mùa
- Công việc hàng ngày
- Cảm giác (nóng lạnh)
- Thực vật & Động vật
- Mô tả đồ vật (Phản Nghĩa)
- Thức ăn & chợ

Special Topics

- *Daily Conversation*
- *Numbers*
- *Family members*
- *Body parts*
- *Actions in the classroom*
- *Colors and Shapes*
- *Prepositions*
- *Time*
- *Calendar*
- *Weather & Seasons*
- *Daily routines*
- *Feelings(hot, cold)*
- *Plants & Animals*
- *Describing things (opposites)*
- *Food & the market*

Grading Scale:

A : 90% - 100%


B : 80% - 89%

C : 70% - 79%


No Pass : 69% and below!

Chương Trình Học 2006-2007

- Lưu ý: Chương trình có thể thay đổi. Thầy cô sẽ cho biết sau.
- Các em sẽ có bài tập ở nhà mỗi tuần, và bài kiểm mỗ hai tuần.
- *NOTE: The schedule is subject to change. Your teacher will keep you updated.*
- *Unless otherwise noted, you will have homework every week, and a quiz (written and oral) every two weeks.*

Tuần	Ngày	Sinh Hoạt	Activities
1	09/09/06	- Khai Giảng - Bài 1: Bảng chữ cái Việt Nam - Đàm thoại hỏi tên, hỏi thăm	- <i>First day of school</i> - <i>Lesson 1: Vietnamese alphabet</i> - <i>Conversation (Introduction, Greetings)</i>
2	09/16	- Tiếp tục Bài 1: Dấu thanh - Đếm Số	- <i>Lesson 1 continued: Tone marks</i> - <i>Counting/numbers</i>
3	09/23	- Bài Kiểm #1 - Bài 2: A, B, C - Sơ đồ gia đình	- Quiz #1 - <i>Lesson 2: A, B, C</i> - <i>Self and family members</i>
4	09/30	- Tiếp tục Bài 2: A, B, C Mùng Trung Thu	- <i>Lesson 2 continued: A, B, C</i> Fall Festival
5	10/07	- Bài Kiểm #2 - Cơ thể	- Quiz #2 - <i>Body Parts</i>
6	10/14	- Bài 3: D, Đ, E, Ê - Động tác trong lớp	- <i>Lesson 3: D, Đ, E, Ê</i> - <i>Actions in the classroom</i>
7	10/21	- Bài Ôn Giữa Khóa	- <i>Midterm Review</i>
8	10/28	- Bài Kiểm #3 Halloween Party!	- Quiz #3  Halloween Party!
9	11/04	- Bài 4: G, H, I - Màu sắc và hình dáng	- <i>Lesson 4: G, H, I</i> - <i>Colors and shapes</i>
10	11/11	- Tiếp tục Bài 4: G, H, I - Giới tự	- <i>Lesson 4 continued: G, H, I</i> - <i>Prepositions</i>

Tuần	Ngày	Sinh Hoạt	Activities
11	11/18	- Bài Kiểm #4 - Bản dự án Thanksgiving	- Quiz #4 - <i>Thanksgiving special project</i>
12	11/25	Lễ Thanksgiving (Nghỉ Học)	 Thanksgiving (No School)
13	12/02	- Bài 5: K, L, M, N - Lịch; Ngày tháng	- <i>Lesson 5: K, L, M, N</i> - <i>Calendar</i>
14	12/09	- Tiếp tục Bài 5: K, L, M, N - Thì giờ (đồng hồ)	- <i>Lesson 5 continued: K, L, M, N</i> - <i>Time (o'clock)</i>
15	12/16	- Bài Kiểm #5 - Sinh hoạt cho Ngày Lễ	- Quiz #5 - <i>Holiday Crafts and Activities</i>
16	12/23	Lễ Giáng Sinh (Nghỉ Học)	 Christmas (No School)
17	12/30	Lễ New Year (Nghỉ Học)	New Year (No School)
18	01/06/07	- Bài Ôn 1-5 - Đàm Thoại	- <i>Review lessons 1-5</i> - <i>Conversation</i>
19	01/13	- Tiếp tục Bài Ôn 1-5 - Trò chơi cho ôn bài	- <i>Continue Review lessons 1-5</i> - <i>Games to aid review</i>
20	01/20	Thi Học Kỳ I	Final Exam - Session 1
21	01/27/07	- Bài 6: O, Ô, Ơ - Thời tiết & Mùa	- <i>Lesson 6: O, Ô, Ơ</i> - <i>Weather & Seasons</i>
22	02/03	- Tiếp tục Bài 6: O, Ô, Ơ - Công việc hàng ngày	- <i>Lesson 6 continued: O, Ô, Ơ</i> - <i>Daily routines</i>
23	02/10	- Bài Kiểm #6 - Bài 7: P, PH, Q, QU - Đàm Thoại: Chúc Năm Mới	- Quiz #6 - <i>Lesson 7: P, PH, Q, QU</i> - <i>Conversation: New Year Greetings</i>
24	02/17	Tết Nguyên Đán tại Lạc Hồng	New Year Party at Lạc Hồng (PCC)
25	02/24	Tết Nguyên Đán tại Cộng Đồng (Nghỉ Học)	 Lunar New Year at Community Center (No School)

Tuần	Ngày	Sinh Hoạt	Activities
26	03/03	- Tiếp tục Bài 7: P, PH, Q, QU - Cảm giác (nóng lạnh)	- <i>Lesson 7 continued: P, PH, Q, QU</i> - <i>Feelings(hot, cold)</i>
27	03/10	- Bài Kiểm #7 - Bài 8: R, S, T - Động (thú) vật	- Quiz #7 - <i>Lesson 8: R, S, T</i> - <i>Animals (farm, forest, and zoo)</i>
28	03/17	- Tiếp tục Bài 8: R, S, T - Thực vật	- <i>Continue Lesson 8: R, S, T</i> - <i>Plants (garden)</i>
29	03/24	- Bài Kiểm #8 - Đàm Thoại: Mùa Xuân	- Quiz #8 - <i>Conversation: Spring Activities</i>
30	03/31	Nghỉ Lễ Mùa Xuân (Nghỉ Học)	 Spring Break (No School)
31	04/07	- Bài 9: U, Ư - Đàm Thoại: Giải trí mùa Xuân	- <i>Lesson 9: U, Ư</i> - <i>Conversation: Spring Vacation Activities</i>
32	04/14	- Tiếp tục Bài 9: U, Ư - Mô tả đồ vật (Phản Nghĩa)	- <i>Lesson 9: U, Ư</i> - <i>Describing things (Opposites)</i>
33	04/21	- Bài Kiểm #9 - Bài 10: V, X, Y - Chợ và thức ăn	- Quiz #9 - <i>Lesson 10: V, X, Y</i> - <i>Market and food</i>
34	04/28	- Trò chơi đi chợ - Viết Truyện Trong Lớp	- <i>Games: Going to the market</i> - <i>In-class Story Writing</i>
35	05/05	- Bài Kiểm #10 - Đọc Truyện Trong Lớp	- Quiz #10 - <i>In-class Story Reading</i>
36	05/12	- Bài Ôn 1-10	- <i>Review lessons 1-10</i>
37	05/19	Thi Học Kỳ II	Final Exam - Session 2
38	05/26	Lễ Bế Giảng	Year End Assembly